



MỘT NHÂN VẬT “XỨ HUẾ”: TẠ QUANG BỬU

Tôn Thất Thiện

“Xứ Huế” là những gì đẹp xấu, đáng khen, đáng chê, nhưng đối với con em Huế (hoặc sinh trưởng ở Huế, hoặc có sinh sống lâu năm ở Huế trước tháng 9 năm 1945 và tự coi mình như người Huế) nó có một cái gì đặc biệt đáng thương đáng mến: oai nghiêm nhưng tao nhã, phép tắc nhưng dịu dàng, nền nếp nhưng ung dung, văn hiến tỏa tràn mọi nơi mọi giới, một tính cách “đặc biệt” độc đáo không còn nữa sau ngày 2 tháng 9 năm 1945 – ngày cộng sản nắm quyền –.

Từ “Xứ Huế” đó đã xuất phát nhiều nhân vật. Ông Tạ Quang Bửu là một (1).

Đối với rất nhiều người “Xứ Huế”, Tạ Quang Bửu là một tên quen thuộc. Đối với phần đông, ông ta là “Thầy Bửu”, hoặc là “Anh Bửu”. Dưới danh nghĩa này hay danh nghĩa kia, ông là một nhân vật của “Xứ Huế”, và chiếm một chỗ quan trọng trong lịch sử và trong cuộc đời và tâm trí của rất nhiều con em khác của “Xứ Huế”, ngay cả cho đến ngày nay.

Ông Tạ Quang Bửu người Nghệ An, sinh ngày 23/7/1910, trong một gia đình Nho giáo, cựu học sinh trường Quốc Học, và sau này sinh sống ở Huế khá lâu. Tổng cộng vào khoảng 17-18 năm, đủ để được coi như một con em của “Xứ Huế”.

Ông Bửu lớn lên trong thời gian Pháp đã củng cố được uy thế và quyền lực của mình. Thắng Đức trong Thế Chiến I,

uy thế và quyền lực của họ tại Việt Nam lại càng vững hơn. Và họ dùng uy thế và quyền lực này cải cách nước Việt Nam theo quan niệm của họ.

Một trong những cải cách mà chính quyền thuộc địa Pháp áp dụng là cải tổ hệ thống giáo dục Việt Nam. Từ một hệ thống xây toàn diện trên Nho học nhằm đào tạo quan chức cho Triều đình qua các kỳ thi tuyển chọn tú tài, cử nhân, tiến sĩ Nho học chỉ chuyên thơ phú, văn chương và đạo đức học theo “Khổng Mạnh”, hệ thống giáo dục Việt Nam chuyển qua một hệ thống mang tính cách “Pháp-Bản xứ” (Franco-Indigène).

Một đặc điểm của hệ thống “Franco-Indigène” là sự thiết lập một ban “Tú tài bản xứ” (Baccalauréat local, gọi tắt là “Bac local”). Có sự kiện này vì học sinh Pháp được học theo chương trình Pháp, và thi Tú tài Pháp, gọi là Baccalauréat métropolitain, gọi tắt là “Bac métro”.

So với Tú tài Pháp, Tú tài “local” chương trình rất nặng. Ai thi đỗ Tú tài này được liệt vào hạng xuất chúng. Một đặc điểm khác là Tú tài hồi đó chia thành hai ban: ban Triết lý, và ban Toán pháp. Đỗ một trong hai ban đã là một chuyện khá gay go. Có người thi đến năm, sáu lần mới chỉ đỗ được một ban. Đỗ cả hai



G.S. TẠ QUANG BỬU

là chuyện phi thường. Đỗ cả hai bằng Tú tài Triết và Toán thuộc cả hai chương trình “local” và “métro” là chuyện càng phi thường hơn nữa. Và đỗ cả hai bằng “local” và “métro”, cả hai ban Triết và Toán, với hạng tối ưu là chuyện phi thường tột bậc. Người đó thật là đại xuất sắc. Thêm vào đó, ngay cả ở trong ban Tú tài Tây, lại đỗ đầu khóa, thật là đại, đại xuất sắc.

Ông Bửu thuộc vào hạng đại, đại xuất sắc đó. Và nhờ học giỏi tới mức đó nên ông được cấp học bổng du học Pháp.

Trong thế kỷ qua, giới quan trường Việt Nam hằng bị phê phán nặng nề về nhiều phương diện. Nhưng ít nhút về một phương diện ta phải công nhận là họ làm đúng và đáng khen đáng phục. Dưới sự hướng dẫn của ông Nguyễn Hữu Bài, Thượng thư Bộ Lại (tương đương với chức vị Thủ Tướng sau này) các quan lại kỳ hèo Trung Kỳ đã quyên tiền lập một quỹ học bổng “Như Tây Du Học”, để giúp cho những sinh viên ưu tú đi Pháp du học.

Đợt đầu tiên, năm 1928, có bốn người được cấp học bổng, trong đó có hai ông Hoàng Xuân Hãn và Nguyễn Xiển. Đợt nhì, năm 1929, thầy Bửu được chọn.

Những chi tiết trên chúng ta được biết qua bài tham luận của anh Hoàng Xuân Tùy (Hoàng Tiêu Diêu) nhân cuộc lễ tưởng niệm 85 năm ngày sanh của GS Tạ Quang Bửu tại Hà Nội ngày 23/7/1995 (2).

Cũng theo anh Hoàng Xuân Tùy, sang Paris ông Bửu theo học lớp Toán đặc biệt (Mathématiques Spéciales) để chuẩn bị vào Trường Trung Tâm Công Kỹ Nghệ (Ecole Centrale des Arts et Manufactures), một trường nổi tiếng của Pháp (3). Nhưng, không may, ông Bửu bị tai nạn xe hơi, bị thương nặng ở đầu, nên phải xuống Bordeaux, nơi khí hậu ấm, phù hợp với sức khoẻ của ông hơn. Thời gian ở Bordeaux, do học giỏi và đặc biệt là giỏi Anh văn, ông Bửu thi đỗ được học bổng một năm trong chương trình trao đổi sinh viên Anh-Pháp, sang học ở Anh quốc, ở Đại học danh tiếng Oxford. Sau đó, ông Bửu thi lấy bằng cử nhân khoa học cơ bản. Ông Bửu đã du học năm năm, trong đó có một năm ở Anh. Ông về nước năm 1934. Từ năm này trở đi, nhiều người biết đến ông và chi tiết về cuộc đời của ông. Từ đây trở đi, ta có thể coi ông như một con em của “Xứ Huế”.

Trên đây, tôi dùng danh xưng “Ông Bửu” để giới thiệu. Nhưng kể từ năm 1934, sau khi ông hồi hương, ông chọn “Xứ Huế” làm nơi cư ngụ và hoạt động thì ông không còn là “Ông Bửu” nữa. Về cách xưng hô, những người được quen ông chia làm hai nhóm. Một nhóm gồm những người người được thụ giáo ông; và một nhóm gồm những người may mắn hơn, vừa được học với ông vừa được ông hướng dẫn trong phong trào hướng đạo, với tư cách là ủy viên, tráng đoàn trưởng, thiếu đoàn trưởng. Những người trong nhóm

đều gọi ông Bửu là “Thầy Bửu”; những người trong nhóm thứ hai gọi ông là “Anh Bửu”. Riêng tôi, thuộc về nhóm thứ hai, lại được cái may mắn là vừa là học trò, vừa là hướng đạo sinh, vừa là tráng sinh được ông làm đoàn trưởng, nên từ đây trở đi tôi sẽ dùng danh xưng “Anh Bửu” để nói về ông.

Có lẽ tôi là một trong những người được gần ông nhất, ra vào nhà ông hàng ngày, trong suốt 10 năm ông ở Huế. Do đó tôi được biết khá nhiều về ông, và là một nhân chứng đáng kể về ông ta. Tất nhiên cũng có nhiều nhân chứng khác. Nhưng tới nay, và ngay cả trong dịp lễ tưởng niệm Anh Bửu ở Hà Nội nói trên, rất nhiều người thương nhớ Anh Bửu đã tránh nói lên quan hệ của mình với Anh ấy, vì họ biết rằng, như một thân nhân Anh Bửu nói với tôi, “người ta không ưa anh ấy”. “Người ta” đây là một số viên chức cao cấp trong Đảng Cộng Sản. Họ không thích vì tính Anh cương trực, và nhất là vì Anh đặt nặng vấn đề đào tạo nhân tài cho xứ sở và chủ trương ai có khả năng là nên cho vào đại học, đi học và tu nghiệp ở ngoại quốc. Vì Anh ấy không để đặt “lý lịch”, tiêu chuẩn đảng và giai cấp lên trên quyền lợi tối thượng của xứ sở, nên những người không ưa Anh buộc cho anh cái tội chủ trương “thiên tài chủ nghĩa” thay vì chỉ lo phục vụ quyền lợi của Đảng và giai cấp (4). Dù sao, chính sách của lãnh đạo Đảng CSVN là không cho đề cao một người như Anh Bửu, đặc biệt là không thích ai nói đến thành tích của Anh ấy trước “cách mạng tháng 8”, vì Anh ấy không xuất thân từ Đảng, và không cần đến Đảng mà vẫn được uy danh, mà lại được uy danh trước “Bác” và các lãnh tụ khác của Đảng CS.Thêm vào đó, Anh Bửu là một người rất cương trực.

Tôi nêu lên điểm này để ghi nhận sự trung thực của hai người chịu ơn Anh Bửu nhiều trong những năm 1934-1945 đã không ngại công khai nhắc đến sự nghiệp vĩ đại và giá trị của Anh Bửu trước “cách mạng tháng 8”, ít nhút là trong nhận quan của con em xứ Huế (5). Hai người đó là anh Trần Văn Chương và Tôn Thất Hoàng. Bài tham luận của hai anh này (6) chứa rất nhiều sự kiện về đời sống, hoạt động và phong thái của Anh Bửu trong thời gian nói trên, và nó có giá trị đại diện cho quan điểm của hai nhóm gọi ông ấy là “Thầy Bửu” và “Anh Bửu”, nên tôi sẽ trích nhiều đoạn, nhiều chi tiết độc đáo nói lên cá tính và tầm mức quan trọng của Anh Bửu đối với thế hệ những người “Xứ Huế” thuộc lứa tuổi tôi – mà những năm 1934-1945 là những năm then chốt trong cuộc đời mình.

Tôi tin rằng, sau này, khi tình thế cho phép, nghĩa là khi tự do ngôn luận được thiết lập, không còn phải sợ sệt “bị trù” vì nói lạc điệu với lãnh đạo Cộng Sản, và không còn phải tuân theo chính sách kìm kẹp, “tất cả đều nhờ Đảng mà có”, sẽ có nhiều người lên tiếng

nói lên công ơn Anh Bửu đối với họ, và sự đóng góp vĩ đại của Anh vào công cuộc đào tạo nhân tài cho xứ sở, để bổ túc những gì nêu ra trong bài này.

Ưu tú lớn: đào tạo nhân tài cán bộ cho tương lai

Nhìn lại thời gian 10 năm (1935-1945) mà tôi được gần gũi và quan sát Anh Bửu ở Huế, nay, năm 1995, sau 50 năm kinh nghiệm về đời và người cùng quan sát những biến chuyển trong xứ và trên trường quốc tế (1945-1995), càng suy ngẫm tôi càng nhận thấy rõ ràng ưu tư lớn của Anh trong suốt thời gian sinh sống và hoạt động ở Huế là chuẩn bị cho tương lai xứ sở bằng cách đặt nền móng cho việc đào tạo nhân tài và cán bộ xứ sở cần dùng sau này khi hữu sự. Điều Anh nhắm là tạo điều kiện cho những người có khả năng trỗi dậy và trở thành chuyên viên vững chắc đáng tin, đáng dùng, kiến thức chuyên môn, tinh thần phục vụ và đạo đức cao, và những cán bộ có lý tưởng, tư cách và khả năng lãnh đạo thực sự.

Vì ý thức rằng giáo dục và lãnh đạo là làm gương, Anh Bửu áp dụng triết để nguyên tắc: muốn làm thầy người khác trước hết chính mình phải là một người học trò kiều mẫu, phải học đến nơi đến chốn, và cái học của mình phải uyên bác, sâu sắc, bao quát, và cập nhật. Anh Bửu áp dụng nguyên tắc này không những vào những môn trí dục và chuyên môn, mà ngay cả trong lãnh vực thể dục và thể thao.

Trong thời gian du học, ngoài các môn toán học và kỹ thuật, Anh ấy còn chú tâm đến vô tuyến điện. Sau này, trong phòng Anh tôi thấy Anh ấy tháo ráp máy vô tuyến điện rất thường. Anh ấy cũng thạo về cả môn địa chất học. Trong phòng Anh rât nhiều mẫu đá Anh lượm về, và thỉnh thoảng Anh lại rủ tôi đi thám sát địa chất và địa lý ở những vùng như Cù Bi (để xem suối nước nóng), Phù Bài (để xem nơi xưa kia có lò đúc quặng sắt), hoặc vùng thượng lưu Sông Hương. Anh cũng uyên thâm về triết học, tôn giáo học, xã hội học. Tôi đã “phát hiện” ra Khổng giáo và sau này sưu tầm về Nho giáo nhờ được nghe những bài giảng của Anh về Đại Học vào dịp suy niêm mỗi buổi sáng ở một khóa huấn luyện huynh trưởng tại trại hướng đạo Bạch Mã. Và tôi lại đi lùng ngay quyển Trung Dung sau khi nghe anh Hoàng nói đến vấn đề đó khi dự một khóa huấn luyện tráng sinh cũng ở trại Bạch Mã về và đã được nghe Anh Bửu giảng về triết lý đó “còn cao hơn Đại Học một cấp nữa”.

Về sinh ngữ, và đặc biệt là về tiếng Anh, trong mắt tôi, Anh Bửu là “sếp sòng”, không ai qua mặt nổi. Điều cần ghi ở đây là trong số những người “như Tây du học” thế hệ Anh Bửu, ngoài anh Bửu Hội (vừa thạo tiếng Anh vừa rất giỏi tiếng Đức), Anh là người duy nhất không những ngoài sự chú tâm rèn luyện về môn chuyên môn của mình, còn bỏ công trau dồi môn

Anh văn đến mức có thể thi đua với bao nhiêu ngàn sinh viên Pháp để được học bổng đi học Đại học Oxford. Sau khi về nước Anh đã tham gia vào một số hoạt động quan trọng cần giỏi tiếng Anh, và giúp đỡ được không biết bao nhiêu thanh niên Việt khi ra trường có căn bản trau dồi tiếng Anh nhanh chóng để có thể nói lưu loát và sử dụng hữu hiệu trong công việc hàng ngày.

Mùa hè 1939 Anh được gửi sang Anh học tại trại hướng đạo quốc tế tại Gilwell Park để lấy bằng Woodbadge (Bằng đi rừng), bằng chỉ huy của hướng đạo. Anh đã được Phủ Toàn Quyền mời làm thông dịch viên trong cuộc điều đình giữa Nhật và Pháp ở Hà Nội năm 1942, một sự kiện ít người biết. Tháng 8 năm 1945, cùng với ông Phan Anh, Anh được Chính phủ Trần Trọng Kim cử đi Hà Nội để đáp máy bay đi Kun Ming điều đình với Đồng Minh. Nhưng vì “cách mạng tháng 8”, đến Quỳnh Lưu (Nghệ An) thì xe anh bị chặn lại, nên sự việc không thành. Sau đó, Anh lại được ông Hồ mời làm trưởng văn phòng phụ trách liên lạc với Anh, Mỹ. Đồng thời Anh Bửu cũng là Thư Ký hội Vietnam-America Friendship Association (VAFA) lúc Mỹ mới đến Hà Nội năm 1945. Nhờ Anh đã sáng suốt thấy tầm quan trọng của sinh ngữ cho tương lai xứ sở, và đã bỏ công học hỏi và truyền đạt kiến thức lại cho đàn em nén, về phía thanh niên, có thể nói toàn thể cựu học sinh trường Thiên Hựu sau này đều sử dụng được tiếng Anh dễ dàng trong công việc của mình.

Không những biết sinh ngữ (tiếng Đức và tiếng Anh), mà cả cổ ngữ anh cũng biết. Tôi thấy ngoài chữ Hán, Anh ấy hay “dượt” tiếng La Tinh và tiếng Hy Lạp cổ, tôi không biết để làm gì. Có thể là để giảng những bài thơ Anh trong đó có trích tiếng Hy Lạp, như bài “Old Grandchester” của Rupert Brooke. Cũng có thể là Anh ấy đã học tiếng Hy Lạp cổ lúc còn ở Bordeaux, để thi học bổng đi Oxford, vì đại học này buộc tất cả sinh viên phải biết tiếng La Tinh và Hy Lạp cổ.

Tóm tắt Anh Bửu là một người uyên bác, và về sự uyên bác này tôi xin trích một câu của anh Trần Văn Chương đã vấn Anh ấy về rất nhiều vấn đề trong suốt hơn 10 năm qua lại: “Một điều làm cho tôi kinh ngạc và vô cùng khâm phục là về bất cứ vấn đề gì Anh cũng trả lời ngay hầu như không cần suy nghĩ”.

Phương pháp giáo khoa: khuyến khích tự học

Cũng như các thầy giáo khác, Anh Bửu cũng đến lớp giảng bài, ra bài làm, chấm bài, trả bài, ra bài học, bắt đọc bài, v.v...Nhưng có một điểm Anh ấy hoàn toàn khác các thầy khác. Anh ấy chú ý đến từng học sinh một và dùi dắt họ, ngay cả khi họ không còn học trực tiếp với Anh ấy nữa. Miễn là họ có chí, ham học

ham hiểu ham biết, và tìm đến Anh là Anh hết lòng chỉ dẫn, dùi dắt, hết năm này qua năm khác, và ngay cả sau khi ra trường. Ví dụ điển hình là anh Trần văn Chương. Anh ấy chỉ học với Anh Bửu có một năm, nhưng trong hơn cả chục năm sau, mỗi lần cần đến Anh, tìm đến Anh là Anh chỉ dẫn cho đến nơi đến chốn, đặc biệt là về cách học, để anh ta có thể học một mình được. Nếu cần sách, tài liệu, thì anh không ngại cho mượn. Về phương diện này, Anh Bửu có một tủ sách không những rất đồi dào, phong phú, mà có thể như là công cộng.

Xin thêm vào đây một đoạn nói về kinh nghiệm của tôi về học tiếng Anh nhờ sự giáo huấn, khuyến khích, dùi dắt của Anh Bửu, và tủ sách của Anh Bửu đã giúp tôi thế nào. Những điều tôi nói lên đây có vẽ dài giòng, nhưng tôi nghĩ rằng nó sẽ giúp những người học Anh ngữ, và sinh ngữ nói chung, qua kinh nghiệm của tôi, hiểu rõ phải làm những gì để đạt đến một trình độ Anh văn rất cao, có thể nói và viết tiếng Anh “như người Anh”, và bắt ở cứ nơi nào trên thế giới cũng không sợ thất nghiệp vì giỏi sinh ngữ, đặc biệt là Anh ngữ vì, trong thực tế, trên thế giới ngày nay, “sinh ngữ” là Anh ngữ.

Năm thứ nhứt trung học (đệ lục, theo hệ thống 1935) tôi khởi đầu học tiếng Anh với thầy Hà Thúc Chính. Đây là một sự tiến bộ lớn và tôi may mắn hơn anh Chương, Anh ấy học với một ông thầy đỗ Tú tài bản xứ trường Bưởi (thầy Tuyên) mà phát âm thì “như Pháp”. Thầy Chính đỗ cử nhân văn chương ở Pháp và có đi Anh. Nhưng phát âm của thầy cũng không vững lắm. Tôi nhớ qua năm sau, học với Anh Bửu, một học sinh (Hoàng Tiệp) trả bài về động từ ngoại lệ (irregular verbs, mỗi lần chúng tôi phải học thuộc lòng 10 động từ), anh ta đọc “to catch, caught, caught” là “to cách tsh, cao t, cao t” (thay vì cốt t, cốt t) bị Anh Bửu ngưng lại và xài xể khá nặng. Anh nói: “chớ anh học đọc ở đâu vậy!”

Thật ra thì cũng oan cho cậu Tiệp, nhưng Anh Bửu làm vậy cố ý muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của phiên âm tiếng Anh đúng, vì có đọc đúng người khác mới hiểu được. Tiếng Anh có cái đặc biệt đó. Ngoài ra Anh Bửu cũng đòi học sinh đọc cho nhẹ nhàng. Có lần tôi nhấn nhịp điệu quá độ trong khi đọc, Anh ấy nói như vây là “vulgar”(thô). Điểm đáng ghi là anh Bửu đem cả đĩa Linguaphone đến lớp vặt cho học sinh nghe để họ ý thức thế nào là “giọng Anh” chính cống.

Anh Chương cũng nhắc đến sự kiện là Anh Bửu đã dạy cho học sinh hệ thống phiên âm quốc tế - một điều rất mới không những ở Việt Nam mà ngay cả ở Pháp và nhiều nước khác -. Năm vững hệ thống phiên âm này và dùng tự vị có phiên âm (như Tự điển

Cassell) học sinh có thể tự học hay kiểm điểm xem mình đọc có đúng không. Nếu có “Tự điển chuyên phiên âm” của Daniel Jones, A Pronouncing English Dictionary, thì thật là tuyệt diệu! Nhưng ở Huế hồi đó, chỉ có Anh Bửu là có quyền đó. Anh Chương đã được Anh Bửu cho mượn và nó đã giúp ích anh rất nhiều. Riêng tôi, thì có một thời gian tôi ở tại nhà Anh Bửu, và ngày nào tôi cũng đem nó ra “học”: cứ mỗi ngày học từ 5 đến 10 chương! Sau này, và cho đến ngày nay, tôi luôn luôn có quyển sách ấy để kiểm phát âm khi cần.

Một điểm đặc biệt đáng ghi nữa là Anh Bửu tạo cơ hội cho học sinh thực tập. Một hôm lễ Noel, không nhớ năm nào, Anh tổ chức cho một nhóm học sinh lớp đệ tứ diễn một màn kịch bằng tiếng Anh! Một trong những diễn viên xuất sắc của màn kịch tiếng Anh đó là Hà Vĩnh Phương, sau này giữ chức lớn trong ngành ngoại giao và nói tiếng Anh “lâu lâu”. Anh Bửu cũng khuyến khích anh Chương làm như vậy ở trường Khải Định và đã đích thân giúp anh Chương trong việc này. Ngoài ra, ở trường Thiên Hữu, Anh cũng khuyến khích việc lập một “English Speaking Club” mà chủ tịch là Phuong Margain, người Miên, sau này là thông dịch viên chính thức của Quốc Vương Sihanouk. Còn tôi, lúc đó mới học đệ tứ nhưng cũng là hội viên, và sau này tôi cũng trở thành thông dịch viên của một quốc trưởng Việt Nam!

Qua những điều kể trên ta thấy khi học một môn gì, nếu muốn thực sự đến nơi đến chốn phải chú ý hai điều kiện căn bản: 1/phải có thầy giỏi để hướng dẫn, 2/phải có sách, và dụng cụ giáo khoa nói chung, tốt. Sách tốt cũng là thầy! Và có lẽ còn quan trọng và tiện lợi hơn cả thầy nữa vì ta có thể mang đi bất cứ nơi nào, và buộc nó phục vụ ta bất cứ lúc nào! Ở đây tôi cảm thấy phải nhấn mạnh rằng một cá nhân, hay một dân tộc, bị ngăn chặn không được tìm đến với thầy giỏi và tự do mua sách tốt để học thì sẽ bị kìm hãm trong dốt nát.. và những người làm công việc ngăn chặn đó là những kẻ hại dân hại nước.

Đọc trúng mỗi chữ chỉ là một vấn đề nhỏ về dùng tiếng Anh. Còn phải lên dòng xuống dòng (modulation) thế nào cho đúng âm điệu của câu thì người Anh mới hiểu được. Về phương diện này, tất nhiên Anh Bửu không những đọc cho học trò nghe những bản văn trong sách giáo khoa, mà còn bắt học sinh học thuộc lòng nhiều bài thơ, vì chỉ qua đọc thơ ta mới nắm vững âm điệu và nhịp điệu của câu được. Tôi còn nhớ tôi và bạn đồng lớp phải học thuộc lòng những bài thơ “The daffodils”, “The solitary reaper”, “Old Granchester”, và những đoạn trong Shakespeare như “To be or not to be”. Về phương diện này tôi thấy trong tủ sách riêng của Anh Bửu cũng có một quyển dạy về âm điệu, và tất nhiên tôi đã tận dụng nó.

Về tiếng Anh, đọc đúng và hay mới chỉ giải quyết có một phần vấn đề, nhất là trong công việc khi ra đời. Không những phải tránh người ta cười mình “nói tiếng Anh với giọng Huế”, hay “với giọng đặc sệt Huế”, mà còn phải viết sao cho khỏi bị phê bình là “viết hiểu được nhưng không phải tiếng Anh”! và tránh những hiểu lầm có hậu quả tai hại. Do đó, thuộc văn phạm là một điều cần thiết. Điều này liên hệ đến sách giáo khoa dùng ở lớp. Năm đâu chúng tôi dùng quyển gì, quên tên rồi. Tôi chỉ nhớ là nó xưa rich và buồn tẻ. Anh Bửu đã tranh đấu rất hăng với cha Douchet, là người coi về tài chính (không thích bỏ tiền mua sách mới!), để đòi đổi lấy bộ L'Anglais Vivant của Carpentier-Fialip, hay hơn nhiều, hấp dẫn hơn nhiều, và nhứt là cập nhật hơn: quyển này dùng phương pháp học/dạy sinh ngữ mới nhất ở Pháp và Âu châu, và đặc biệt dùng hệ thống phiên âm quốc tế. Các bài học lại nhẹ phần “văn chương” và nặng phần thực tiễn hơn.

Còn một điểm nữa, mà có lẽ, về thực tiễn và dài hạn, trong những công việc ở tầm quan trọng và tế nhị nhất (hành chánh, ngoại giao, thương mại, và ngay cả văn chương), đó là phần ngữ nghĩa (semantics): hiểu rõ nghĩa và những sai biệt, kể cả những sai biệt nhỏ nhứt, tế nhị nhứt, của từ ngữ Anh và kết hợp từ ngữ thế nào để nói và viết tiếng Anh “y hệt người Anh”: không những rõ ràng, chính xác, mà còn văn vẻ và đặc trưng (idiomatic) nữa. Để có điều kiện này, chỉ có một cách là: đọc, đọc, đọc thật nhiều, đủ loại sách báo, tài liệu, nhất là những tác phẩm của người Anh viết văn hay nhứt. Và đối với con em xứ Huế ham học tiếng Anh, như tôi và anh Trần Văn Chương hồi trước, và chắc còn nhiều người khác nữa tôi không được biết, tủ sách của Anh Bửu là một kho tàng vô giá, và một dụng cụ bằng vàng.

Tủ sách anh Bửu có rất nhiều sách dùng để trau dồi Anh văn. Trong số này có hai quyển căn bản để học phát âm: quyển A Pronouncing English Dictionary của D. Jones – ghi cách phát âm từng chữ, những biến thể của nó, và quyển về âm điệu (mà tôi quên tit) của Palmer (8). Tất nhiên tự điển Cassell French-English English French Dictionary (là tự điển phổ thông ở Huế thời đó), có kèm theo phiên âm theo hệ thống quốc tế, và tự điển An Oxford Concise English Dictionary, cũng có kèm theo phiên âm nhưng theo lối cũ. Giá trị của quyển tự điển này là: nó là quyển tự điển Anh-Anh đầu tiên mà tôi được thấy. Tôi rất khâm phục, vì học sinh Việt Nam thường quen với tự vị Pháp-Pháp Larousse, nhưng ở Huế hồi đó không ai có tự vị Anh-Anh.

Những điều kể trên có vẻ dài dòng, nhưng tôi muốn đưa ra những chi tiết như thế để đi đến kết luận sau đây: sự đào luyện một chuyên viên, dù là về Anh văn hay bất cứ một ngành nào, không phải là một

việc có thể thực hiện được trong chốc lát, mà phải có một sự chuẩn bị dài hạn và kỹ lưỡng – trong trường hợp “Xứ Huế” phải mất 10 năm để đặt căn bản – với điều kiện là có thày giỏi và tận tâm, có lý tưởng cao, sáng suốt và có kế hoạch rõ ràng, như Anh Bửu., có sách tốt, và có học trò có chí, muốn học, và chịu học. Đây là một điều mà phụ huynh có con em đang ở vào lứa tuổi vào trung học nên để ý. Khoi sự sớm và có kế hoạch rõ ràng và sáng suốt, tìm đúng trường, đúng thày, đúng sách mới bảo đảm thành công chắc chắn 10-20 năm sau được! Đối với “Xứ Huế”, trường hợp Anh Bửu và học trò của Anh là một trường hợp điển hình. Nó nói lên sự thực không thể chối cải đó. Một người như Anh Bửu đào tạo được hàng trăm thanh niên có đủ điều kiện để đi tới và đi lên sau này, và phục vụ rất đắc lực tuy rằng họ đã bị lợi dụng một cách đáng tiếc.

Một điều tưởng cần ghi ở đây là 10 năm nói trên chỉ là 10 năm chuẩn bị tạo điều kiện để đương sự sau này có thể đi tới nhanh và chắc, và người này phải mất thêm một thời gian từ 10 đến 15 năm nữa mới thực sự trở thành một chuyên viên toàn vẹn, khả dụng và đáng tin, làm việc không vấp váp, gây đổ bể, tai họa. Rõ ràng rằng về giáo dục không thể áp dụng lối tiếp cận “cấp tốc” và “cách mạng”, nhứt là “cách mạng” theo kiểu mác-lê được.

Một điểm khác cần nói thêm là Anh Bửu đã chuẩn bị được cho một số thanh niên trở thành nhân tài sau này nhờ có được 10 năm hoà bình, ổn định, và chính quyền, cả Pháp lẫn Việt Nam, tuy có hành động không tốt đẹp về nhiều phương diện khác, nhưng đã không ngăn chặn, cản trở, xen kẽ, gây khó khăn cho Anh Bửu (ví dụ, xì xò theo kiểu cộng sản rằng: “Ai lai vãng ông Bửu sẽ có vấn đề đấy!”).

Đây là lý do theo tôi, tại sao Anh Bửu chọn “Xứ Huế” làm môi trường hoạt động: Xứ Huế là nơi tụ hội của những thành phần ưu tú nhứt của Trung Kỳ thời đó, Huế là nơi có nhiều trường trung học lớn. Do đó, có thể nói rằng “Xứ Huế” là một lò nhân tài tiềm tàng, và Anh Bửu đã có những chất liệu rất tốt để uốn nắn trong một thời gian khá dài. Nếu, như Pascal nói: “Le génie est une longue patience” (Thiên tài do cần cù kiên nhẫn mà ra) thì sự kết hợp của sự cần cù kiên nhẫn của Anh Bửu với sự cần cù kiên nhẫn của học trò “Xứ Huế” là bí quyết đã tạo ra nhiều nhân tài cho xứ sở. Đây là điều những người ưu tư về tương lai của xứ sở nên suy ngẫm.

Tôi hy vọng rằng sau này sẽ có người làm công việc sưu tầm liệt kê danh sách và gom góp chi tiết về sự đóng góp của con em nhân tài của “Xứ Huế” trong công cuộc xây dựng đất nước. Tiếng Sông Hương là nơi bắt đầu công trình đó. Các hội cựu học sinh Khải Định, Thiên Hữu, Pellerin, Đồng Khánh, Thanh Niên

Tiền Tuyển, cùng Hội Hướng Đạo, những người biết rõ về Hội Như Tây Du Học, v.v...cũng nên để ý đến vấn đề này.

Thể dục và thể thao: học đàng hoàng

Một điều đặc biệt về Anh Bửu là trong số những người du học, có lẽ anh là người duy nhất có học đàng hoàng, đến nơi đến chốn về các môn điền kinh để có thể làm huấn luyện viên, huấn luyện viên hạng “cù”, cho người khác được. Anh Hoàng đã viết về thành tựu của Anh Bửu như sau:

“Trong thời gian học tập tại Pháp và tại Anh, khác với nhiều sinh viên Việt Nam thời đó, anh Bửu quan tâm đến phương pháp luyện tập thể dục, đến các môn thể thao như quyền Anh, bóng bàn, bơi lội và đặc biệt các môn điền kinh.

Anh chơi bóng bàn cũng giỏi; vô địch Trung Kỳ hồi đó là Thái Văn Vương (con cụ Thái Văn Toản, Thượng Thơ Bộ Lại) rất nể anh. Phong trào bóng bàn trong trường Providence phát triển mạnh nhờ anh hướng dẫn lối đánh của tay vợt nổi tiếng Barna vô địch Hungari mà anh đã có công học tập ở Paris.

Về bơi lội, anh dạy chúng tôi kiểu bơi trườn (crawl) là kiểu bơi nhanh nhất và mới nhất hồi đó ở Huế, ít người biết. Chính anh đã góp phần đào tạo một số thanh niên Huế thành vô địch bơi lội Trung Kỳ (Bửu Đích, Lê Ưng, Lê Bình, Lê Lữ...). Về bơi lội thì tôi học được các kiểu bơi mới và bơi khá, nên anh Bửu khuyến khích tôi tập bơi dai sức và sau đó thi lấy bằng bơi lội của hướng đạo (phải bơi được 1km không ngừng). Một môn khác mà anh Bửu cũng thạo là đi thuyền buồm. Tôi không có tập môn đó, nhưng tôi thấy thỉnh thoảng Anh dẫn vài người bạn ra thuê thuyền ở Câu Lạc Bộ Thể Thao Pháp (Cercle Sportif) và dạy cho họ đi buồm trên sông Hương. Ở xứ Huế, ngoài cựu hoàng Bảo Đại, có lẽ Anh là người Việt duy nhứt biết chạy thuyền buồm.

Tôi tự hỏi thì giờ đâu mà trong thời gian du học Anh Bửu học được nhiều môn như vậy mà vẫn không sao lăng việc học! Đó là chưa kể một sinh viên du học nhờ học bổng, mà lại học bổng Việt Nam, trong túi có bao nhiêu tiền mà làm được nhiều việc như vậy, nhất là học về thể thao và điền kinh hết sức tốń kém!

Phong độ của một người lãnh đạo chân chính

Anh Bửu là một nhà lãnh đạo của xứ Huế. Nói như vậy có nghĩa là khẳng định rằng, về phương diện đạo đức, tư cách, cư xử Anh Bửu có đủ, hay thừa, phong độ của một người xứng đáng được mọi người - kính trọng và mến phục - và sẵn sàng chấp nhận Anh vào hàng ngũ của những nhà lãnh đạo chân chính. Anh không tham chức vị, tiền tài. Điều này rất rõ trong sự lựa chọn nơi cư ngụ và sinh kế của Anh.

Năm 1934, những người khoa bảng như Anh rất hiếm. Anh có thể đi làm cho chính phủ Bảo Hộ Pháp và Nam Triều, hay ở những nơi như Hà Nội hay Sài Gòn. Nhưng Anh đã lựa “Xứ Huế”, và đi dạy học trong một trường tư thục. Chức tước chẳng có gì và lương bổng chẳng bao nhiêu. Hình như trường Thiên Hựu chỉ trả cho Anh 100 đồng một tháng. Năm 1943, sau khi lập gia đình, để đủ tiêu, anh phải đi làm kỹ sư cho hãng máy đèn SIPEA, để có một số lương cao hơn.

Anh Bửu sống rất thanh bạch. Lúc đầu Anh ăn ở ngay trong trường Thiên Hựu. Sau một thời gian, Anh ấy dọn ra một cái nhà nhỏ, đơn giản, cách trường Thiên Hựu chừng nửa cây số, trên đường từ cầu nhà máy đèn đi ra phía núi Ngự Bình. Tôi hay ăn cơm với Anh ấy, những buổi cơm rất đơn giản, do một ông quản gia (tên Các) nấu. Sau này, lúc đã lập gia đình và làm ở SIPEA, Anh thuê một cái nhà lớn hơn ở phía Nam sông Phú Cam, giữa cầu nhà đèn và cầu Phú Cam. Trong nhà, bàn ghế giản dị, đồ đạc quý nhứt của Anh là sách! Đi dạy hay đi làm thì Anh đi bộ. Đi đâu xa - mà ở Huế “xa” là 5 cây số tối đa - thì Anh đi xe kéo. Có lúc Anh mua một cái xe đạp, nhưng sau khi (vì thả hai tay) bị té và nứt hàm hìn như Anh ấy không đi nữa.

Tuy số lương tương đối không lớn, nhưng ngoài việc phụng dưỡng thân mẫu Anh chỉ chi dùng nó vào việc mua sách, giúp đỡ những người cần giúp. Tôi không biết số này là bao nhiêu, nhưng một người tôi quen nhiều kể lại rằng lúc anh ta mới ra đời đi làm công chức nhỏ ở một tỉnh gần Huế, có lúc túng, gởi thư kêu cứu là Anh Bửu gởi giúp ngay. Ngoài ra, tôi biết tiền thuê các trụ sở cho đoàn hướng đạo hay tráng sinh Anh làm trưởng đều do Anh đài thọ.

Anh Bửu có một đời tư kiểu mẫu. Ngoài việc chăm lo giúp đỡ thanh niên và học hỏi thêm, anh chẳng có “tệ đoan” nào cả.

Cung cách của Anh khi nào cũng đúng đắn. Tôi không hề nghe Anh nói tục. Là một huynh trưởng hướng đạo, anh là một hướng đạo sinh kiểu mẫu. Như mọi người đều biết, hướng đạo sinh có những quy luật rất nghiêm khắc. Anh Bửu đòi hỏi ở thiếu sinh và tráng sinh nhiều, nhưng chính Anh đòi hỏi ở Anh nhiều hơn. Tôi chưa hề nghe ai phàn nàn, chỉ trích Anh Bửu về phương diện đạo đức. Nếu có phê bình, thì họ phê bình Anh quá gắt gao. Điều này đúng. Anh Bửu rất gắt gao trong công việc hành. Anh đòi hỏi mỗi học sinh phải cố gắng hết sức. Anh biết mỗi học sinh hay thiếu/tráng sinh khả năng đến đâu và Anh đòi người đó phải di đến tận lực.

Anh cũng gắt gao về kỷ luật, đòi hỏi mỗi người phải làm phận sự mình một cách đứng đắn. Tôi nhớ năm 1936, tôi đi cắm trại với Anh ở Thuận An, lúc đó đã thay thế anh Tráng Cử làm đoàn trưởng đoàn hướng

đạo Hùng Vương. Đoàn đi bằng xe đạp. Tất nhiên buổi tối phải có người thay phiên nhau thức để canh xe đạp. Lúc phiên tôi có lúc tôi ngủ thiếp, bị Anh đánh thức và rầy cho một trận vì không làm tròn nhiệm vụ. Một lần khác, lúc ở Đoàn Tráng Sinh Bạch Đằng, một hôm họp buổi tối trong lúc Anh Bửu đang nói thì một tráng sinh là Nguyễn Thiên Nhận ngủ gục. Anh ngung nói và “xài” Nhận một trận vì cậu này không dùng hết nghị lực chế ngự sự buồn ngủ của mình. Ám ý: thế thì làm sao mà làm việc lớn?

Tại trại Bạch Mã, một hôm tôi đứng với Anh ấy, có một vị đoàn trưởng tương đối lớn tuổi theo khóa huấn luyện huynh trưởng, khi qua cầu trên suối vò một tờ giấy liệng xuống bờ suối; Anh Bửu hô to rầy anh ấy và bắt anh ấy phải di lui xuống bờ suối lượm tờ rác, vì một trong những quy tắc rất ngặt của kỷ luật hướng đạo là giữ vệ sinh và sạch sẽ mọi nơi mình hoạt động.

Vấn đề “Đến với Bác Hồ” hay không “đến với Bác Hồ”

Điều tôi muốn ghi nhận trước nhất khi nói đến Anh Bửu là nhờ Anh mà tôi không “đến với Bác Hồ” và “cách mạng” (nghĩa là Đảng và chủ nghĩa cộng sản), và nhờ vậy, tôi đã khỏi phải bị dồn vào cái thế “phải biết đầu hàng, chấp nhận nô lệ”, như Hà Sỹ Phu nói trong Đôi điều suy nghĩ của một công dân (1993), và khỏi “đành bằng lòng với quyền tự do vắng dạ, chịu hậu quả ghê gớm của những cuộc phiêu lưu vô trách nhiệm mà vẫn hô khẩu hiệu biết ơn”, như Vũ Cận, đã thú (9) sau 45 năm “đi theo tiếng gọi của Cách Mạng”.

Những người sống dưới chế độ và trong sự kèm kẹp nhồi sọ của bộ máy chuyên chế cộng sản, nói chung những người đã và nhứt là đang sống ở Bắc Việt, tôi không rõ vì bắt buộc hay vì thói quen, khi nhắc đến Anh Bửu thì đương nhiên nói rằng nhờ Anh Bửu dùi dắt mà đã “đến được với Bác Hồ” và “cách mạng” và nhờ đó, đã thực hiện được kỳ công này kỳ công nọ. Những người đã và đang sống ngoài vòng kèm kẹp của cộng sản thì không bị áp lực đó. Riêng tôi có thể khẳng định rất mạnh rằng tôi mang ơn nặng với Anh Bửu vì chính nhờ Anh mà tôi đã khỏi “đến với Bác Hồ” và từ 1946 đến nay được diem phúc sống trong tự do, và những công việc tôi đạt được chẳng quan hệ gì đến “Bác và Đảng” cả.

Anh Chuong đã viết” Trung thực là một trong những đức tính cao quý nhất của một nhà trí thức, cũng như của một người C.S”. Thầy Bửu thường nói đến tính “probité intellectuelle” (trung thực của trí thức). Tôi đồng ý với phần đầu lời nói trên, nhưng hoàn toàn không đồng ý với phần thứ nhì. Đã là cộng sản thì có thể có ảo tưởng là mình có “trung thực trí

thức”, nhưng khó mà có “trung thực trí thức” thực sự, ngoại trừ trường hợp người cộng sản đó là Anh Bửu. Những ai hiểu biết ít nhiều về chủ nghĩa Mác và nhứt là chủ nghĩa Lê-nin tất biết rằng người cộng sản chính cống trung kiên bón sê vích lê ni nít đến tận tủy, không thể có “trung thực trí thức” được vì đó là điều Marx và Lê-nin buộc họ phải gạt bỏ hoàn toàn nếu muốn trở thành cộng sản. Với Marx và Lê-Nin sự thực bắt buộc phải mang tính cách giai cấp. Không có sự thực khách quan. Nghĩa là không thể có “trung thực trí thức” được.

Theo tôi, Anh Bửu không phải là một cộng sản trung kiên, anh trở thành cộng sản vì thực tế nhu cầu hoàn cảnh; vì Anh là một người tôn trọng “trung thực trí thức” tuyệt đối, và muốn ai làm gì, theo gì, cũng phải trước hết vì tin tưởng như thế là đúng, vì “trung thực trí thức” chớ không vì cơ hội chủ nghĩa hay sơ sệt. Cũng vì Anh Bửu có trung thực trí thức nên khi đã suy nghĩ chín về một vấn đề và định hướng đi thì Anh đi đến cùng. Nhưng khi con đường ấy dẫn đến tắc nghẽn thì Anh thấy cần xét lại lập trường và lấy một định hướng mới phù hợp với thực tại. Nhưng đó là con đường đi của Anh, và Anh không muốn người khác, chỉ vì mến phục Anh mà nhầm mắt lao theo Anh. Tôi có thể khẳng định điều này vì tôi là người, không biết có phải duy nhứt hay không, mà Anh Bửu đã can ngăn đừng có đi theo Anh ấy, không những một, mà đến hai lần.

Lần đầu, giữa năm 1942, lúc đó tôi 18 tuổi, và đang còn ở trong thành nội Huế. Một hôm, buổi trưa, có tiếng xe kéo đồ xích trước nhà tôi. Rồi tôi thấy Anh Bửu có vẻ trịnh trọng, đứng ngay thềm nhà, nói với tôi một cách bộc trực:” Chị H vừa mới nói với tui là khi chị ấy hỏi sau ni Thiện muốn làm chi thì Thiên nói muốn làm như tui. Tui yêu cầu Thiện bỏ ý định đó đi. Mỗi người phải có đường đi của mình”. Anh chỉ nói chừng đó. Xong, Anh lên xe kéo đi ngay. Hình ảnh buổi “giải độc” đó tôi không khi nào quên, và nó nhắc nhớ tôi rằng: hiểu rõ Anh Bửu là muốn làm như Anh thì đừng theo Anh ấy!

Trước khi nói đến lần thứ hai, tôi xin kể chuyện sau đây. Một lần anh Bửu cho tôi mượn đọc mấy quyển Marxist Review. Đọc xong, một hôm đi xe đạp dạo chơi với Anh ấy, tôi hỏi Anh: “Thuyết mác-xít nhân danh nhân ái và công bằng xã hội chủ trương độc tài và dùng bạo lực chuyên chế giai cấp. Hai điều này trái ngược với nhau. Làm sao dung hoà bác ái và công lý kiểu đó?”. Anh Bửu trả lời:”Ồ! Có vấn đề đó”. Và Anh không đưa ra giải đáp nào để thuyết phục tôi phải lựa chọn ra sao.

Lần cuối cùng tôi nói chuyện với Anh Bửu thì Anh chỉ gián tiếp nhắc lại lời khuyên năm 1942, nên tuy sự việc xảy ra năm 1946, tôi coi nó như là thuộc

vào giai đoạn 1934-1945. Tôi gặp Anh ấy vào đầu tháng 11 năm 1946 vừa sau khi Anh đi Pháp dự Hội nghị Fontainebleau về. Cuộc đàm phán thất bại, và ai có chút ý thức chính trị cũng hiểu rằng chiến tranh sắp đến. Vì vậy tôi hỏi Anh: “Chúng tui (nghĩa là thanh niên như tôi) phải làm chi Anh?”. Anh trả lời: “Tui sắp phải vô núi rồi. Cuộc đời của tui coi như đã an định. Thiện về di học đi”.

Tôi cũng khá ngạc nhiên. Ngay lúc đó tôi cũng chưa có quyết định gì dứt khoát về việc “đi hay không đi”, nghĩa là đi hay không đi chiến khu “theo Bác”. Nhưng câu trả lời của Anh Bửu làm cho tôi khỏi bị thôi thúc là “phải đi”, khỏi coi “đi” như là một việc dĩ nhiên mà tôi phải làm.

Một tháng sau tôi gặp Anh Bửu lại, mà cũng là lần cuối cùng. Đó là ngày 18 tháng 12 năm 1946, 24 giờ trước khi chiến tranh bùng nổ. Qua hoạt động rầm rộ của nhân dân dân vệ ai cũng biết là chiến tranh sắp đến. Chiều tối hôm đó Anh Bửu thình lình đến nhà Bác sĩ Tôn Thất Tùng, nơi tôi cư ngụ (vì B.S.Tùng là bà con và thân) trao cho tôi một bao thơ, bảo tôi giữ dùm đến sáng hôm sau. Anh lại thêm: “Đó là thơ cho Tướng McClure (Tư lệnh Mỹ trước ở Hà Nội, nhưng lúc đó đã dọn ra Đồ Sơn vì chính phủ Truman muốn lánh xa chính phủ Hồ Chí Minh) để hỏi thái độ của Mỹ trong cuộc chiến Việt-Pháp. Giữ cho kín.” Và Anh ra đi không nói thêm gì nữa.

Sáng hôm sau, Anh Bửu đến lấy bức thơ và từ giã tôi không nói thêm một lời. Đó là lần cuối cùng tôi gặp Anh ấy.

Tuy Anh không nói gì cả, nhưng qua thái độ anh đêm hôm trước, tôi biết Anh ấy muốn nói với tôi ba điều: 1/ Anh muốn thử thách sự kín đáo của tôi (thơ không niêm, mà tôi cũng không đọc vì Anh không bảo tôi đọc); 2/ Anh báo cho tôi biết là chiến tranh chắc chắn sẽ xảy ra; 3/ Anh bảo tôi không nên đi theo Anh. Tôi đã làm như thế, nên đã khỏi bị kẹt vào cái cảnh vì thực tình hay vì bị ép buộc phải nói rằng “Anh Bửu đã dẫn tôi đến với Bác Hồ”.

Theo tôi, Anh Bửu đã “đi theo Bác Hồ” vì những sai lầm của những người nắm vận mệnh Việt Nam - Roosevelt, Truman, De Gaulle, Bảo Đại - tháng 8 năm 1945, đã tạo một tình thế không cho Anh đi con đường nào khác. Và, sau khi ra Hà Nội, chắc anh đã bị Ông Võ Nguyên Giáp và Phan Hiền (hai người đỡ đầu cho Anh vào Đảng năm 1947) thuyết phục Anh rằng muốn tiếp tục làm gì quan trọng cho xứ sở phải có chức vụ quan trọng trong chính quyền, và lúc đó chỉ có vào Đảng mới có điều kiện này. Tuy vậy, Anh là một người theo cộng sản chỉ vì thực tế và nhu cầu hoàn cảnh và vẫn giữ sự cương trực của mình. Anh bị coi là “thiếu tinh thần giai cấp”. Vì vậy anh không hề được vô Trung Ương hay Chính Trị Bộ của Đảng

CSVN, và lúc ưu tú bị bạc đãi và phải sống rất chật vật. Theo anh Chuong, Chị Bửu cho biết là ngày Anh Bửu mất (21/8/1986) trong gia đình còn vón vẹn 1.200 đồng (10 cents US). Có người quen thân gia đình kể lại với tôi là những tháng trước khi Anh ấy mất, không những Anh không được Đảng và Nhà nước cấp phương tiện di chuyển, mà cũng không có đủ tiền để đi cyclo để đến bệnh viện chích thuốc. Số phận một đại trí thức, thiếu tướng Quân Đội Nhân Dân, cựu Thủ trưởng Quốc Phòng, cựu Tổng trưởng Bộ Đại học!

Nhưng về riêng tôi thì nhò sụ “trung thực trí thức” của Anh Bửu mà tôi đả thoát khỏi tình trạng của không biết bao nhiêu thanh niên khác: dùng hết tài trí của mình tưởng để phục vụ xứ sở, nhưng chung quy chỉ giúp Đảng CSVN củng cố quyền lực của họ để gia tăng trấn áp dân chúng và tận vụ tư lợi, theo đuổi những chính sách phi lý đẩy dân tộc và xứ sở vào con đường đầy chông gai vô định.

Bây giờ tình hình đã hay đang đổi khác. Hy vọng rằng bài học thực sự của Anh Bửu và sự đóng góp của Anh ấy vào sự phát huy giáo dục của “Xứ Huế” trong những năm 1934-1945 sẽ đến với hàng ngàn, hàng vạn thanh niên ưu tú về tương lai của đất nước.

Summerland Key, Florida

Tháng 9 năm 1995

1/ Xem Tiếng Sông Hương, 1993 và 1994.

2/ Hoàng Xuân Tùy: “Giáo sư Tạ Quang Bửu - Một nhà trí thức yêu nước, Một nhà khoa học uyên bác”; Trần Văn Chương: “Vài ký ức về Giáo Sư Tạ Quang Bửu”; Tôn Thất Hoàng: “Những bài học thầy Bửu để lại không có sách vở”, trong Giáo Sư Tạ Quang Bửu, Thầy Bửu, Anh Bửu; Huế, Hà Nội, Sài Gòn, 23/7/1995. Tài liệu ronéo.

3/ Trường này cũng là nơi xuất thân của anh Vũ Văn Thái, một khuôn mặt quen thuộc và một trong những người xuất sắc của thời Đệ Nhứt Cộng Hoà sau này.

4/ Những thay đổi về đường lối của Đảng CSVN trong những năm gần đây về giáo dục và lựa chọn sinh viên vào đại học và xuất ngoại đã chứng minh rằng chủ trương của Anh Bửu đúng vì phù hợp với lợi ích lâu dài và tối thượng của xứ sở hơn là tiêu chuẩn “giai cấp”.

5/ Xem ghi chú số 2 ở trên.

6/ - id -.

7/ - id -.

8/ Palmer là một trong những chuyên gia sáu sảo nhất về phương pháp học và dạy Anh văn hiện tại. Vào tiệm sách nào chuyên về sinh ngữ cũng dễ kiếm sách của ông ta.

9/ Trong “Thư gửi các con” thay lời tựa cho tập thơ Mưa Nguồn.